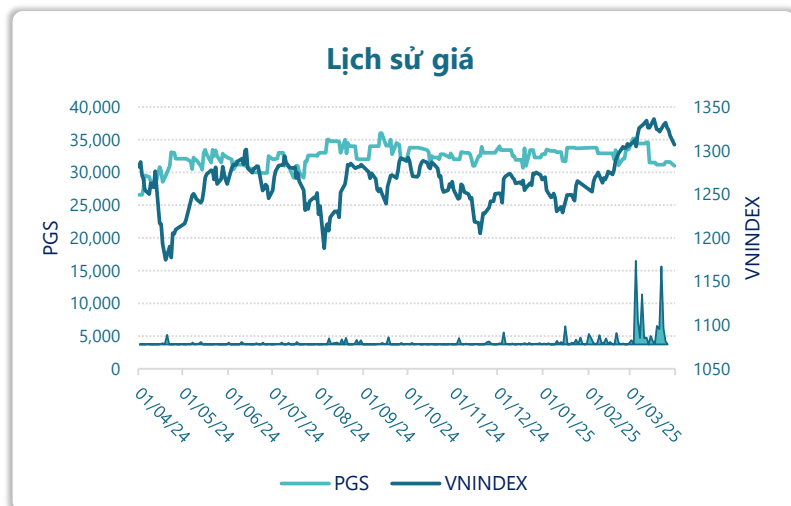


CTCP Kinh doanh Khí Miền Nam (HNX: PGS)



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	31,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	36,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	26,591
SL cổ phiếu LH	49,998,794
KLGD BQ 20 phiên (CP)	515
% sở hữu nước ngoài	0.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,550
P/E	13.3
EPS	2,334

DT thuần

Q1/25

1,557

tỷ VNĐ

QoQ: ▼153| -8.9%

YoY: ▲ 82.0| 5.6%

LN sau thuế

Q1/25

29.2

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 10.8| 58.9%

YoY: ▲ 0.70| 2.6%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

2.5%

+/- YoY: ▼ 0.3%

DT thuần

2024

6,439

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 762| 13.4%

LN sau thuế

2024

116

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 10.0| 9.2%

ROE

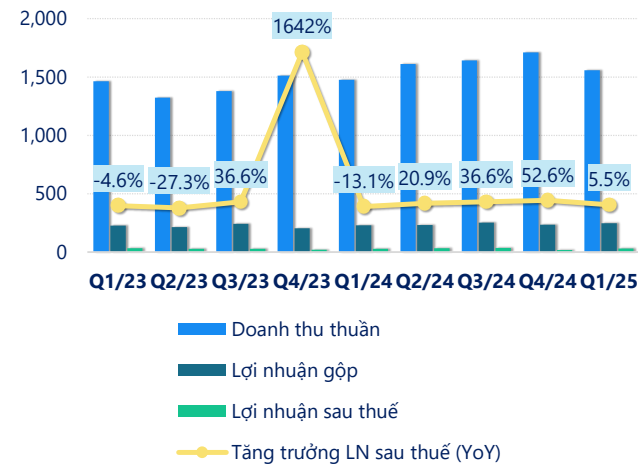
2024

11.5%

+/- YoY: ▲ 1.0%

tỷ VNĐ

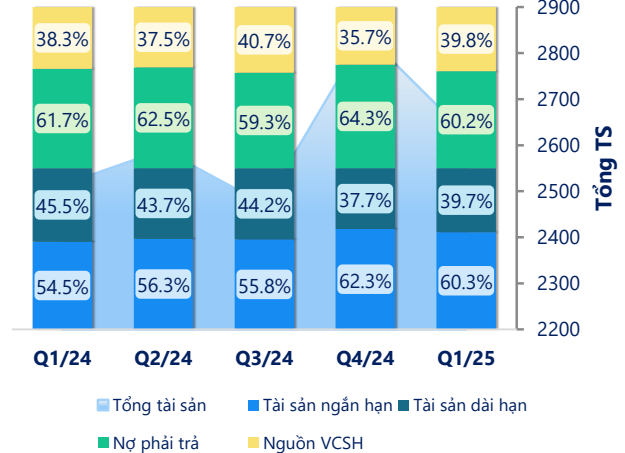
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

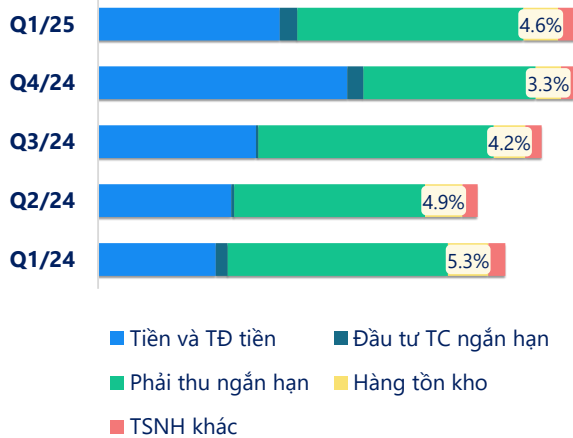
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



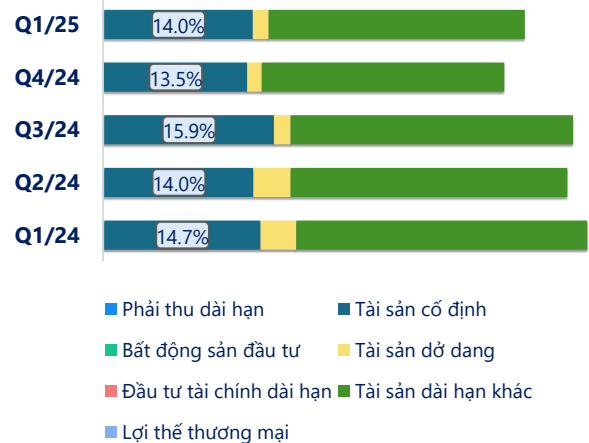
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

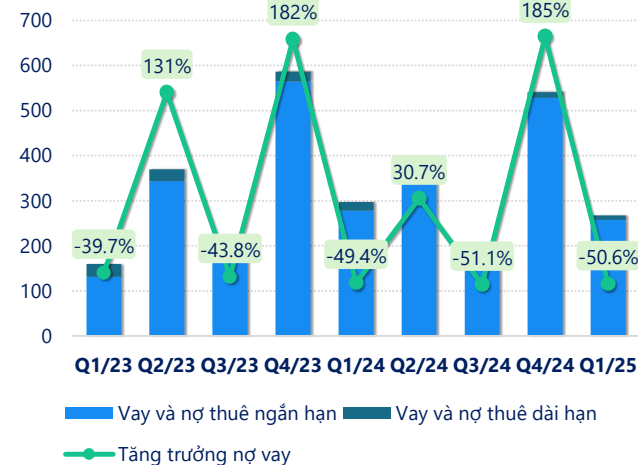
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

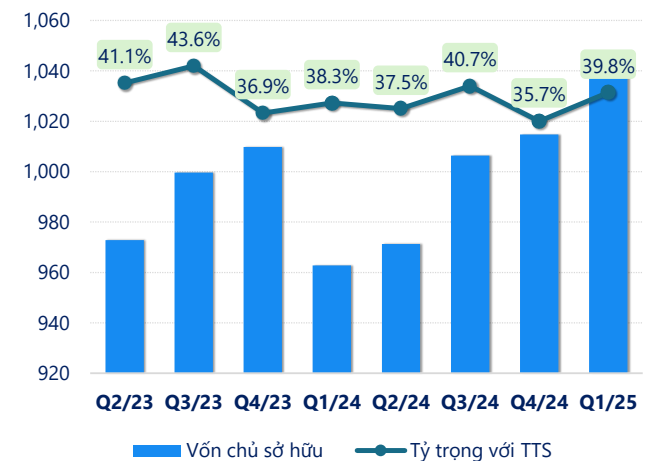
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

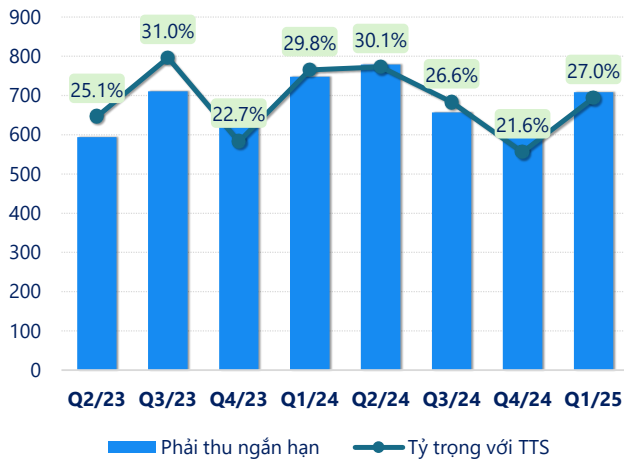
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



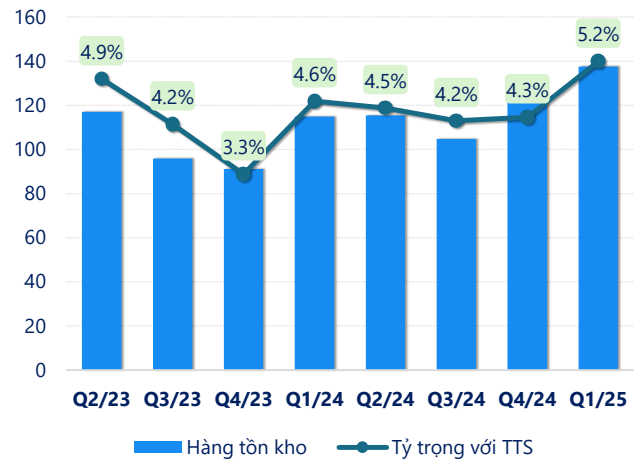
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


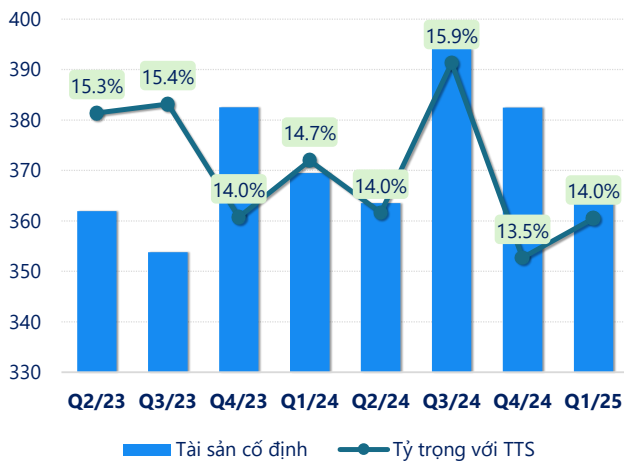
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


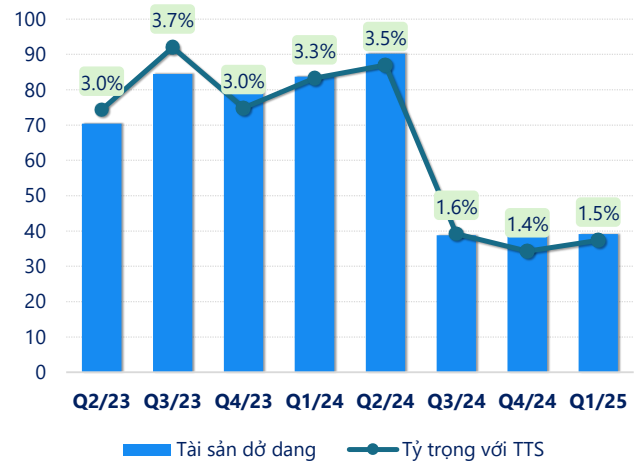
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

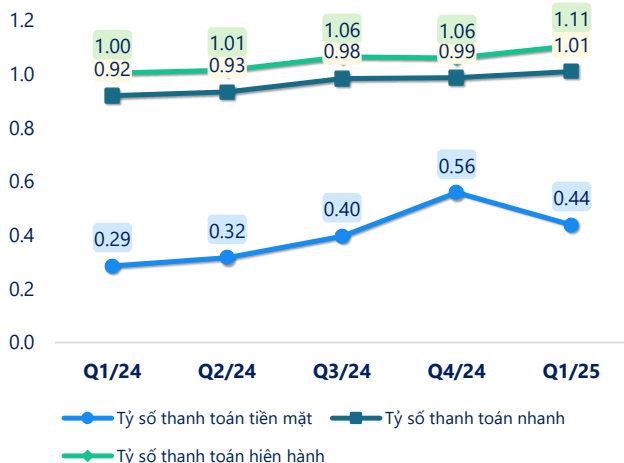
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

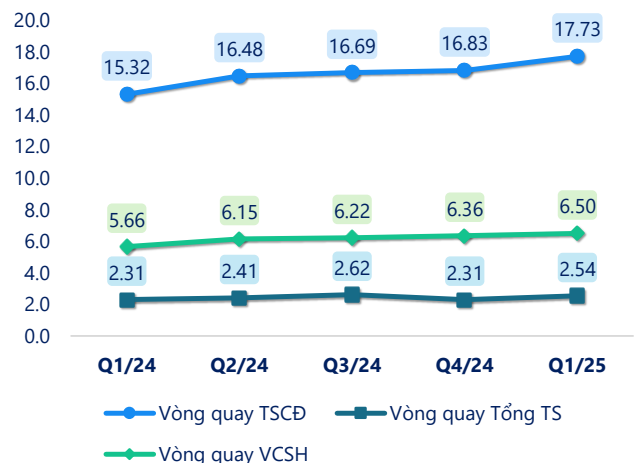
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	2,514	2,590	2,472	2,841	2,623
Tài sản ngắn hạn	1,369	1,459	1,379	1,769	1,583
Tiền và tương đương tiền	389	455	513	932	627
Đầu tư tài chính ngắn hạn	58.5	58.5	58.5	58.5	58.6
Phải thu ngắn hạn	748	779	657	614	708
Hàng tồn kho	115	115	105	122	138
Tài sản ngắn hạn khác	58.6	51.6	46.1	42.8	51.0
Tài sản dài hạn	1,145	1,131	1,093	1,072	1,041
Phải thu dài hạn	3.38	3.25	3.24	3.24	3.24
Tài sản cố định	369	364	394	382	366
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	83.7	90.2	38.8	39.0	39.2
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	688	674	657	647	632
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	1,551	1,619	1,466	1,827	1,580
Nợ ngắn hạn	1,364	1,438	1,295	1,668	1,431
Vay và nợ thuê ngắn hạn	278	371	175	529	257
Phải trả người bán ngắn hạn	735	754	804	849	853
Nợ dài hạn	187	180	171	158	149
Vay và nợ thuê dài hạn	19.4	16.9	14.5	12.1	9.68
Nguồn vốn chủ sở hữu	963	971	1,006	1,015	1,044
Vốn chủ sở hữu	963	971	1,006	1,015	1,044
Vốn điều lệ	500	500	500	500	500
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)